

**NGHỊ QUYẾT**

**Về dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách  
năm 2026 của xã Ô Diên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ Ô DIÊN  
KHOÁ I - KỲ HỌP THỨ 03**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 5969/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 của thành phố Hà Nội;*

*Xét Báo cáo số 324/BC-UBND ngày 04/12/2025 của UBND xã về đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2025; Dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2026; Báo 325/BC-UBND ngày 04/12/2025 về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2025, xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 12/BC-KTNS ngày 04/12/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đại biểu HĐND xã tại Kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua dự toán ngân sách xã và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp xã năm 2026 với những nội dung chính như sau:

1. Dự toán thu ngân sách năm 2026

a) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 1.003.474.000.000 đồng (Một nghìn không trăm linh ba tỷ, bốn trăm bảy mươi tư triệu đồng), trong đó:

- Thu từ các khoản thuế, phí, lệ phí: 653.474.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi ba tỷ, bốn trăm bảy mươi bốn triệu đồng);

- Thu tiền sử dụng đất: 350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng).

(Chi tiết theo Biểu số 01 đính kèm).

b) Tổng thu ngân sách xã: 1.315.694.000.000 đồng (Một nghìn, ba trăm mười lăm tỷ, sáu trăm chín mươi tư triệu đồng)



- Thu được hưởng tỷ lệ phần trăm theo quy định: 603.283.000.000 đồng  
(Sáu trăm linh ba tỷ hai trăm tám mươi ba triệu đồng).

Trong đó:

+ Thu điều tiết từ các chỉ tiêu thuế, phí, lệ phí: 253.283.000.000 đồng  
(Hai trăm năm mươi ba tỷ, hai trăm tám mươi ba triệu đồng);

+ Thu điều tiết từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng);

- Thu bổ sung từ ngân sách Thành phố: 712.411.000.000 đồng (Bảy trăm mười hai tỷ bốn trăm mười một triệu đồng), trong đó:

+ Bổ sung cân đối: 221.848.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi một tỷ tám trăm bốn mươi tám triệu đồng);

+ Bổ sung có mục tiêu: 490.563.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi tỷ năm trăm sáu mươi ba triệu đồng).

(Chi tiết theo Biểu số 02 đính kèm).

## 2. Dự toán chi ngân sách xã năm 2026

Tổng chi ngân sách xã: 1.315.694.000.000 đồng (Một nghìn, ba trăm mười lăm tỷ, sáu trăm chín mươi tư triệu đồng).

2.1. Chi đầu tư phát triển: 824.900.000.000 đồng (Tám trăm hai mươi tư tỷ chín trăm triệu đồng)

- Chi trong cân đối: 442.800.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi hai tỷ tám trăm triệu đồng), trong đó kinh phí tiết kiệm 5% dự toán chi đầu tư theo Văn bản số 9886/VPCP-KTTH ngày 13/10/2025 của Văn phòng Chính phủ: 22.140.000.000 đồng.

- Chi bổ sung có mục tiêu: 382.100.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi hai tỷ một trăm triệu đồng)

2.2. Chi thường xuyên: 470.024.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi tỷ không trăm hai mươi tư triệu đồng), gồm:

- Chi trong cân đối: 361.561.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi một tỷ năm trăm sáu mươi một triệu đồng), trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương 13.466.000.000 đồng (Mười ba tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu đồng); Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên để thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội với đối tượng bảo trợ xã hội 10.902.000.000 đồng (Mười tỷ chín trăm linh hai triệu đồng)

- Chi bổ sung có mục tiêu các nhiệm vụ 108.463.000.000 đồng (Một trăm linh tám tỷ bốn trăm sáu mươi ba triệu đồng)

3. Dự phòng ngân sách: 20.770.000.000 đồng (Hai mươi tỷ bảy trăm bảy mươi triệu đồng)

(Chi tiết theo Biểu số 03,04,05,06,07 đính kèm).

## 4. Cân đối thu - chi ngân sách

Tổng dự toán thu xã thu xã 1.315.694.000.000 đồng (Một nghìn, ba trăm mười lăm tỷ sáu trăm chín mươi tư triệu đồng)

Tổng dự toán chi ngân sách xã: 1.315.694.000.000 đồng (Một nghìn, ba trăm mười lăm tỷ sáu trăm chín mươi tư triệu đồng)

(Chi tiết theo Biểu số 08 đính kèm).

Dự toán chi đầu tư XD CB ngân sách cấp xã theo lĩnh vực và các nhiệm vụ, danh mục kế hoạch vốn các dự án đầu tư công năm 2026

(Chi tiết theo Biểu số 09 đính kèm).

5. Thực hiện tiết kiệm 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương; Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên để thực hiện các chính sách an sinh xã hội; Tiết kiệm 5% dự toán chi đầu tư xây dựng theo Kết luận của Ban chấp hành Trung ương về kinh tế xã hội năm 2025-2026 tại Văn bản số 9886/VPCP-KTTH ngày 13/10/2025 của Văn phòng Chính phủ để bổ sung vốn cho công trình đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng.

**Điều 2.** Thông qua các mục tiêu, nguyên tắc, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện dự toán ngân sách năm 2026 do UBND xã trình, Hội đồng nhân dân xã thống nhất và nhấn mạnh một số nhiệm vụ sau:

### 1. Về công tác thu ngân sách

(1) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan đơn vị Thủ trưởng các phòng, ban ngành thuộc xã về vai trò, tầm quan trọng của thu ngân sách đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phát huy vai trò trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo triển khai thực hiện công tác thu ngân sách, tạo nguồn thu cho ngân sách.

(2) Tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác thu ngân sách, nắm bắt kịp thời các Luật Thuế sửa đổi bổ sung. Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu ngân sách, thu hồi nợ tiền thuê đất theo đúng quy định Luật Quản lý thuế, tiền thuê đất bảo đảm thu đúng, thu đủ kịp thời vào NSNN. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, các hộ sản xuất kinh doanh ổn định phát triển sản xuất; Tập trung rà soát, quản lý chặt chẽ thu thuế từ hoạt động thương mại điện tử; kinh tế số.

(3) Phối hợp chặt chẽ với Thuế cơ sở 24 thành phố Hà Nội rà soát các hộ kinh doanh trên địa bàn, triển khai có hiệu quả Kế hoạch chuyển đổi mô hình từ thuế khoán sang kê khai đối với hộ kinh doanh, đảm bảo thu đúng, thu đủ, tránh thất thoát nguồn thu.

(4) Tập trung hoàn thiện các thủ tục hành chính có liên quan để triển khai đấu giá quyền sử dụng đất ngay từ đầu năm (đối với các khu đất đã đủ điều kiện); đẩy nhanh công tác GPMB, xây dựng sẵn hạ tầng các khu đấu giá quyền sử dụng đất mới để sẵn sàng đấu giá, tạo nguồn lực cho đầu tư phát triển; đồng thời tiếp tục rà soát, triển khai có hiệu quả kế hoạch đấu giá quỹ đất công, đất công ích góp phần tăng thu cho ngân sách.

(5) Phối hợp với các Sở, ngành Thành phố đôn đốc các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án ngoài ngân sách đã được phê duyệt (*Khu chức năng đô thị Green City, Khu đô thị mới Tây Nam Tân Lập, dự án Nhà máy nước mặt sông Hồng...*).

(6) Tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng thương mại dịch vụ, công nghiệp - xây dựng, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp.

(7) Thực hiện công khai các nguồn thu theo quy định.

(8) Thường xuyên cập nhật, tham mưu báo cáo tiến độ thu, các khó khăn vướng mắc để kịp thời chỉ đạo, giải quyết.

(9) Tiếp tục triển khai tích cực, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp quản lý thu, chi ngân sách, nâng dần tỷ lệ cân đối thu, chi ngân sách.

## **2. Về chi ngân sách**

### **2.1. Về chi thường xuyên**

(1) Điều hành chi ngân sách đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả các khoản chi từ NSNN, thực hiện phân bổ chi ngân sách tập trung theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 46/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025, Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội, Quyết định số 5969/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội; dự toán thu chi ngân sách; biên chế hành chính sự nghiệp; khoa học và công nghệ năm 2026 và các văn bản hướng dẫn của Sở Tài chính đảm bảo công tác quản lý tài chính ngân sách thực hiện theo đúng quy định.

(2) Tăng cường thực hiện có hiệu quả những quy định về cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, công tác xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý tài sản công, nâng cao biện pháp thực hiện tiết kiệm chi công việc để tạo nguồn chi tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đảm bảo tiêu chí thực hiện cải cách tài chính công.

(3) Đẩy mạnh thực hiện tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2026-2030, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên ngân sách; Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác đặt hàng thí điểm giá dịch vụ giáo dục theo Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 04/10/2024 của HĐND Thành phố .

### **2.2. Về chi đầu tư xây dựng cơ bản**

(1) Tập trung quyết liệt triển khai thực hiện các dự án UBND Thành phố giao xã làm chủ đầu tư, đảm bảo tỷ lệ giải ngân trên 95%

(2) Tiếp tục rà soát đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư, nhất là các dự án hạ tầng đầu giá quyền sử dụng đất, hạ tầng giao thông khung, các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư để sớm đủ điều kiện giao vốn chi tiết thực hiện dự án.

(3) Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án; Tiếp tục tập trung tuyên truyền để người dân hiểu, đồng thuận, chấp hành tốt công tác thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ GPMB tái định cư.

(4) Đẩy mạnh công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công trình dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công; Tăng cường giám sát việc chấp hành các quy định trong quản lý, giải ngân vốn đầu tư công; Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công, đề cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong việc thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công; kiên quyết không để xảy ra tình trạng dự án

được giao vốn nhưng không giải ngân được hoặc giải ngân không hết kế hoạch vốn được giao; thực hiện công khai dân chủ, phát huy dân chủ cơ sở để nhân dân kiểm tra, giám sát.

(5) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thực hiện dự án để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành:**

#### **1. Giao UBND xã**

a) Triển khai giao kế hoạch, dự toán ngân sách năm 2026 cho các đơn vị đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách.

b) Kịp thời lập phương án sử dụng các nguồn tăng thu, thường vượt thu UBND xã thực hiện cơ chế quản lý, điều hành linh hoạt về ngân sách có sự giám sát thường xuyên, chặt chẽ của HĐND xã, đảm bảo sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện dự toán, UBND xã đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ thu, chi ngân sách, lập phương án điều chỉnh dự toán ngân sách (nếu có) theo quy định của Luật ngân sách, báo cáo Thường trực HĐND và Hội đồng nhân dân giữa 2 kỳ họp gần nhất.

c) Thực hiện phân bổ, bố trí vốn thanh toán linh hoạt và đảm bảo theo quy định hiện hành của Nhà nước báo cáo HĐND tại kỳ họp cuối năm 2026 đối với các công tác sau:

- Vốn thanh toán linh hoạt thanh quyết toán dự án hoàn thành để thực hiện phân bổ cho các dự án đã hoàn thành và được phê duyệt quyết toán nhưng chưa được bố trí kế hoạch vốn năm 2026 hoặc bố trí chưa đủ để tránh nợ xây dựng cơ bản.

- Vốn thanh toán linh hoạt bố trí cho: (1) Chi phí công tác chuẩn bị đầu tư đối với các dự án đã được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và đã được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư; (2) nhiệm vụ quy hoạch; (3) lập thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán trong tổng nguồn vốn giao cho các công tác này theo dự toán năm 2026 được duyệt và không phụ thuộc mức vốn giao của từng dự án thuộc Kế hoạch đầu tư ngân sách của xã năm 2026 và đảm bảo điều kiện bố trí vốn, thanh toán theo quy định.

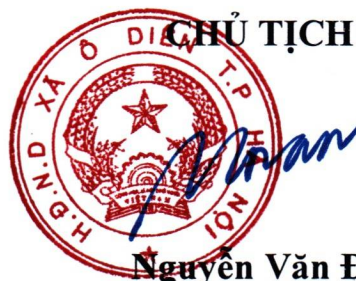
2. Giao Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ và đại biểu HĐND xã đôn đốc và giám sát thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND xã khóa I, Kỳ họp thứ 03 thông qua ngày 05/12/2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:** ✓

- TT. HĐND, UBND Thành phố;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy;
- TT. HĐND xã;
- CT, các PCT. UBND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ban, ngành liên quan;
- C/PCVP HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT.



**Nguyễn Văn Đức**



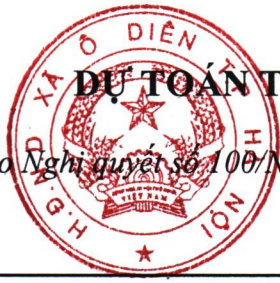
Biểu mẫu số: 01

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 05/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán Thành phố giao		Dự toán xã giao		So sánh với DT thành phố giao (%)
		Tổng thu NSNN	Thu NS xã	Tổng thu NSNN	Thu NS xã	
A	B	1	2	3	4	5
	<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn</b>	<b>870.674</b>	<b>470.483</b>	<b>1.003.474</b>	<b>603.283</b>	<b>115,3</b>
1	Thu từ DNNN do Trung ương quản lý, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	0	0	0	0	
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	148.700	47.754	148.700	47.754	100
-	Thuế giá trị gia tăng	104.530	33.450	104.530	33.450	100
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.920	14.054	43.920	14.054	100
-	Thuế tài nguyên	250	250	250	250	
3	Thuế thu nhập cá nhân	407.060	130.073	407.060	130.073	100
-	Do thuế Thành phố Hà Nội quản lý	580	0	580	0	100
-	Do Thuế cơ sở quản lý	406.480	130.073	406.480	130.073	100
4	Lệ phí trước bạ	48.370	48.370	48.370	48.370	100
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	14.420	14.420	14.420	14.420	100
-	Lệ phí trước bạ xe máy, ô tô, tàu thuyền	33.950	33.950	33.950	33.950	100
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.100	6.100	6.100	6.100	100
6	Thu phí, lệ phí	13.000	392	13.000	392	100
	<i>Trong đó:</i>		0		0	
-	Do cấp xã thu	392	392	392	392	100
7	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	14.058	14.058	14.058	14.058	100
-	Số thu 01 lần cho cả thời gian thuê		0	0	0	
-	Số thu trả tiền hàng năm	14.058	14.058	14.058	14.058	100
8	Thu tiền sử dụng đất	217.200	217.200	350.000	350.000	161
-	Thu giao đất dự án		0	0	0	
-	Thu tiền sử dụng đất khi nhà nước giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất cho các nhân, hộ gia đình	212.200	212.200	345.000	345.000	163
-	Thu khác	5.000	5.000	5.000	5.000	100
9	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	4.976	4.976	4.976	4.976	100
-	Thu tiền đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất		0	0	0	
-	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	4.976	4.976	4.976	4.976	100
10	Thu khác ngân sách	11.210	1.560	11.210	1.560	100
	<i>Trong đó:</i>		0	0	0	
-	Do cấp xã thu	1.560	1.560	1.560	1.560	100



Biểu mẫu số: 02

## DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 05/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG THU	Dự toán Thành phố giao	Dự toán xã giao	Tỷ lệ so với DT Thành phố giao(%)
	<b>Tổng thu ngân sách xã</b>	<b>1.182.894</b>	<b>1.315.694</b>	<b>111,23</b>
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp</b>	<b>470.483</b>	<b>603.283</b>	<b>128,23</b>
1	Thu tiền sử dụng đất, thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất	217.200	350.000	161,14
2	Các khoản thu thuế, phí, lệ phí, thu khác ngân sách	253.283	253.283	100
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>712.411</b>	<b>712.411</b>	<b>100</b>
1	Thu bổ sung cân đối	221.848	221.848	100
2	Thu bổ sung có mục tiêu	490.563	490.563	100
-	Bổ sung mục tiêu chi đầu tư	382.100	382.100	100
-	Bổ sung mục tiêu chi thường xuyên	108.463	108.463	100
<b>III</b>	<b>Thu từ nguồn chuyển nguồn năm 2025 sang năm 2026</b>			

**ĐỊ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2026**  
(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 05/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã)

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Bao gồm		
		Ngân sách cấp xã		
		Tổng số	Gồm	
Chi trong cân đối	Chi bổ sung có mục tiêu			
	<b>TỔNG CHI (1+2+3+4)</b>	<b>1.315.694</b>	<b>825.131</b>	<b>490.563</b>
<b>1</b>	<b>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</b>	<b>824.900</b>	<b>442.800</b>	<b>382.100</b>
-	Chi từ nguồn XDCB tập trung	92.800	92.800	-
	<i>Tr.đó: 5% Tiết kiệm dự toán chi đầu tư theo KL của BCH TW</i>	22.140	22.140	
-	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	350.000	350.000	-
-	Chi từ nguồn NSTP bổ sung mục tiêu	382.100	-	382.100
<b>2</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>470.024</b>	<b>361.561</b>	<b>108.463</b>
	<i>Trong đó: 10% tiết kiệm chi TX để thực hiện CCTL</i>	13.466	13.466	
-	10% tiết kiệm chi TX để thực hiện chính sách ASXH	10.902	10.902	
-	Số tiết kiệm thêm so với dự toán năm 2025 của các đơn vị sự nghiệp công lập	563	563	
<b>2.1</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề</b>	<b>240.207</b>	<b>182.680</b>	<b>57.527</b>
-	Chi sự nghiệp giáo dục	240.207	182.680	57.527
<b>2.2</b>	<b>Chi công tác quốc phòng</b>	<b>4.873</b>	<b>4.722</b>	<b>151</b>
<b>2.3</b>	<b>Chi công tác an ninh</b>	<b>5.326</b>	<b>5.294</b>	<b>32</b>
<b>2.4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế</b>	<b>23.120</b>	<b>19.644</b>	<b>3.476</b>
<b>2.5</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	<b>1.790</b>	<b>1.611</b>	<b>179</b>
<b>2.6</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh</b>	<b>659</b>	<b>603</b>	<b>56</b>
<b>2.7</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	<b>324</b>	<b>324</b>	<b>-</b>
<b>2.8</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	<b>12.078</b>	<b>12.078</b>	<b>-</b>
<b>2.9</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	<b>3.990</b>	<b>3.931</b>	<b>59</b>
-	Sự nghiệp nông nghiệp	630	630	-
-	Sự nghiệp thủy lợi, chống lụt bão	1.180	1.180	-
-	Sự nghiệp kiến thiết thị chính	1.640	1.640	-
-	Sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác	540	540	-
<b>2.10</b>	<b>Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể</b>	<b>54.088</b>	<b>41.785</b>	<b>12.303</b>
-	Cơ quan Đảng	11.819	7.334	4.485
-	Hội đồng nhân dân	2.567	2.286	281
-	Quản lý nhà nước	28.478	23.010	5.468
-	Đoàn thể chính trị	11.074	9.155	1.919
-	Các hội khác	150	-	150
<b>2.11</b>	<b>Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội</b>	<b>117.663</b>	<b>82.983</b>	<b>34.680</b>
<b>2.12</b>	<b>Chi khác ngân sách</b>	<b>1.628</b>	<b>1.628</b>	<b>-</b>
<b>2.13</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học công nghệ</b>	<b>4.278</b>	<b>4.278</b>	<b>-</b>
<b>3</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>20.770</b>	<b>20.770</b>	<b>-</b>



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 05/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã)

Dvt: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể CTMTQG)	Chi thường xuyên (không kể chương trình MTTQ)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>1.315.694</b>	<b>824.900</b>	<b>470.024</b>	<b>20.770</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>CÁC CƠ QUAN TỔ CHỨC</b>	<b>945.456</b>	<b>531.550</b>	<b>413.906</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Văn phòng Đảng ủy	12.848		12.848			0			
2	Ủy ban MTTQ xã	11.224		11.224			0			
3	Các phòng, ban	124.786	0	124.786	0	0	0	0	0	0
3.1	Văn phòng HĐND và UBND xã	28.144		28.144			0			
3.2	Phòng Kinh tế	9.501		9.501			0			
3.3	Phòng Văn hóa - Xã hội	87.141		87.141			0			
4	Các đơn vị sự nghiệp	557.363	531.550	25.813	0	0	0	0	0	0
4.1	Trung tâm văn hóa thông tin thể thao	2.693		2.693			0			
4.2	Trạm Y tế xã	23.120		23.120			0			
4.3	Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng xã	531.550	531.550	0			0			
5	Các trường học	239.235	0	239.235	0	0	0	0	0	0
5.1	Khởi trường THCS	68.561		68.561			0			
5.2	Khởi trường Tiểu học	90.217		90.217			0			

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể CTMTQG)	Chi thường xuyên (không kể chương trình MTTQ)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
5.3	Khối trường Mầm non	80.457		80.457			0			
<b>II</b>	<b>CÁC KHOẢN ĐÃ PHÂN BỐ NHƯNG CHƯA GIAO ĐƠN VỊ</b>	<b>349.468</b>	<b>293.350</b>	<b>56.118</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Sự nghiệp giáo dục	0		0			0			
2	Sự nghiệp môi trường	11.808		11.808						
2	Sự nghiệp kinh tế	2.180		2.180			0			
3	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	26.240		26.240			0			
4	Chi khác ngân sách	1.628		1.628			0			
5	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	3.360		3.360						
6	5% Tiết kiệm dự toán chi đầu tư theo KL của BCH TW	22.140	22.140							
7	Vốn thanh toán quyết toán dự án hoàn thành, linh hoạt CBĐT, nhiệm vụ quy hoạch, lập thiết kế kỹ thuật, hỗ trợ GPMB dự án Khôi phục dòng chảy tạo cảnh quan môi trường từ sông Hồng qua miếu Hàm Rồng, đến Văn Hiến khơi thông dòng sông trên địa bàn xã Ô Diên chảy ra sông Nhuệ	271.210	271.210							
7	10% Tiết kiệm chi TX thực hiện CS trợ giúp XH	10.902		10.902						
<b>III</b>	<b>DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH</b>	<b>20.770</b>			<b>20.770</b>		<b>0</b>			



STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi công tác quốc phòng	Chi công tác an ninh	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	Chi sự nghiệp phát thanh	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi khoa học, công nghệ, chuyên đổi số	Chi thường xuyên khác	
												Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản					
2	Sự nghiệp môi trường	11.808								11.808								
3	Sự nghiệp kinh tế	2.180									2.180							
4	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	26.240													26.240			
5	Chi khác ngân sách	1.628														0	1.628	
6	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	3.360															3.360	
7	10% Tiết kiệm chi TX thực hiện CS trợ giúp XH	10.902													10.902			

**DỰ TOÁN CHI NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ  
NĂM 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 05/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã)



Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán giao
	<b>Tổng</b>	<b>490.563</b>
<b>I</b>	<b>Bổ sung mục tiêu chi đầu tư xây dựng</b>	<b>382.100</b>
<b>II</b>	<b>Bổ sung mục tiêu chi thường xuyên</b>	<b>108.463</b>
1	Kinh phí chi cải cách tiền lương	58.383
2	Kinh phí đặc thù công tác Đảng	2.640
3	Bổ sung kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ	1.963
4	Kinh phí hỗ trợ bữa ăn bán trú cho học sinh tiểu học năm học 2025 - 2026 theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND của HĐND Thành phố	15.398
5	Kinh phí hỗ trợ miễn giảm học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục theo quy định tại Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND	20.756
6	Kinh phí chi trợ cấp hàng tháng đối với người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 29/4/2025 của HĐND Thành phố	9.173
7	Kinh phí tổ chức Đại hội Hội chữ thập đỏ, hội người cao tuổi, hội Liên hiệp thanh niên cấp xã (mức hỗ trợ 50 triệu đồng/đại hội)	150



**TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2026**  
(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 05/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã)

Biểu số 07

Số TT	Đơn vị	Biên chế được giao năm 2026	Biên chế có mặt hiện tại	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	Dự toán giao năm 2026																														
					Bao gồm:																														
					Tổng chi	I. Chi trong cân đối	Trong đó:												II. Chi bổ sung mục tiêu	Bao gồm:															
							1. Quỹ tiền lương, tiền thưởng	1.1. Quỹ lương tính trong cân đối					1.2. Chênh lệch lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP							2. Chi các hoạt động (dã trừ tiết kiệm)	3. Tiết kiệm 5% dự toán chi đầu tư theo KL của BCH TW	10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện CCTL năm 2026	10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện CS trợ giúp XH	2% của giảm thêm so với dự toán năm 2025 của các đơn vị sự nghiệp	1.1. Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách	Trong đó:			1.2. Kinh phí từ chức ĐH, HCTĐ, HNCT, MLI, LHTN Việt Nam cấp xã (50 trở/hệ)	1.3. Chi đặc thù công tác đảng, try cập hàng tháng người có công theo NQ 02/2025/NQ-HĐND	1.5. Bổ sung kinh phí thực hiện Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ	2. Bổ sung nguồn kinh phí thực hiện các cách thức lương	3. Bổ sung chi xây dựng cơ bản		
								Tổng số	Quỹ lương biên chế và hợp đồng trong chi tiêu	Quỹ lương phụ cấp của KCC xã, KCC thôn, CTV	Quỹ lương LHHD làm công tác hỗ trợ, phục vụ, bảo vệ	Hợp đồng giáo viên ngoài chi tiêu biên chế	HB theo định mức cơ mui	Tổng số	10% Tiết kiệm chi thường xuyên đánh nguồn CCTL	10% Tiết kiệm chi TX thực hiện CS trợ giúp XH	2% cắt giảm thêm so với dự toán năm 2026 của các đơn vị sự nghiệp	Kinh phí chi hỗ trợ an trun theo NQ18/2025/NQ-HĐND; ND105 của CP								Kinh phí chi hỗ trợ học tập theo ND 238/2025/ND-CP	Kinh phí chi hỗ trợ học tập theo ND 238/2025/ND-CP	23=24+25+26+27							
(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)			
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R	S	T	U	V	W	X	Y	Z	AA	AB	AC	AD	AE	AF	AG	AH	AI	AJ
*	<b>TỔNG CỘNG</b>	1.245	1.133	180	1.315.694	825.131	274.083	249.152	212.876	18.764	7.491	1.255	8.766	24.931	13.466	10.902	563	528.908	22.140	13.466	10.902	563	490.563	50.080,0	36.154	122	20.634	15.398	150	11.813	1.963	58.383	382.100		
I	<b>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</b>	0	0	0	824.900	442.800	-	-	-	-	0	0	0	-	-	-	0	420.660	22.140	0	-	0	382.100	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0	0	0	0	0	382.100	
1	Chi từ nguồn XDCB tập trung				92.800	92.800												88.160	4.640			0													
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất				350.000	350.000												332.500	17.500			0													
4	Chi từ nguồn NSTP bổ sung mục tiêu				382.100	-												-	-			382.100													
II	<b>Chi thường xuyên</b>	1.245	1.133	180	470.024	361.561	274.083	249.152	212.876	18.764	7.491	1.255	8.766	24.931	13.466	10.902	563	87.478	-	13.466	10.902	563	108.463	50.080	36.154	122	20.634	15.398	150	11.813	1.963	58.383	-	-	
1	<b>Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo</b>	1.095	988	177	240.207	182.680	144.498	135.314	119.471	-	5.822	1.255	8.766	9.184	8.621	-	563	38.182	0	3.498	3.219	483	57.527	15.520	15.520	122	0	15.398	0	0	0	0	42.007	-	-
*	<b>Sự nghiệp giáo dục</b>	1.095	988	177	240.207	182.680	144.498	135.314	119.471	-	5.822	1.255	8.766	9.184	8.621	-	563	38.182	0	3.498	3.219	483	57.527	15.520	15.520	122	0	15.398	0	0	0	0	42.007	-	-
*	<b>Khởi THCS</b>	306	271	21	64.233	51.087	41.432	38.520	36.721	-	1.677	122	0	2.912	2.349	-	563	9.655	0	1.037	914	195	13.146,0	60,0	60,0	60,0	0,0	0,0	0,0	0	0	0	13.086	-	-
	- THCS Hồng Hà	46	42	3	9.181	7.386	6.092	5.704	5.454		250	0	0	388	25		363,00	1.294		163	144	33	1.795,0	5,0	5,0	5,0	0,0	0,0	0,0	0	0	0	1.790	-	-
	- THCS Liên Hồng	30	29	3	7.033	5.494	4.627	4.287	3.964		262	61	0	340	340			867		109	96	14	1.539,0	4,0	4,0	4,0	0,0	0,0	0,0	0	0	0	1.535	-	-
	- THCS Liên Hà	38	28	3	8.449	6.346	4.916	4.476	4.214		262	0	0	440	440			1.430					2.103,0	26,0	26,0	26,0	0,0	0,0	0,0	0	0	0	2.077	-	-
	- THCS Liên Trung	27	25	3	5.561	4.474	3.771	3.464	3.227		237	0	0	307	107		200,00	703		88	78	13	1.087,0	3,0	3,0	3,0	0,0	0,0	0,0	0	0	0	1.084	-	-
	- THCS Tân Hội	63	59	3	13.583	10.881	8.753	8.167	7.949		218	0	0	586	586			2.128		269	237	53	2.702,0	12,0	12,0	12,0	0,0	0,0	0,0	0	0	0	2.690	-	-
	- THCS Tân Lập	68	60	3	14.078	11.370	9.074	8.487	8.234		192	61	0	587	587			2.296		290	255	57	2.708,0	7,0	7,0	7,0	0,0	0,0	0,0	0	0	0	2.701	-	-
	- THCS Tô Hiến Thành	34	28	3	6.348	5.136	4.199	3.935	3.679		256	0	0	264	264			937		118	104	25	1.212,0	3,0	3,0	3,0	0,0	0,0	0,0	0	0	0	1.209	-	-
*	<b>Khởi Tiểu học</b>	368	317	26	85.493	54.924	46.488	43.204	40.660	-	2.013	427	104	3.284	3.284	-	0	8.436	0,0	770	681	141	30.569,0	15.448,0	15.448,0	50,0	0,0	15.398,0	0,0	0,0	0	0	15.121	0	0
	- Tiểu học Hồng Hà	50	42	3	11.629	7.281	5.951	5.364	5.146		218	0	0	587	587			1.330					4.340,0	1.593,0	1.593,0	3,0	0,0	1.590,0	0,0	0,0	0	0	1.590,0	2.755	-
	- Tiểu học Liên Hồng	35	28	3	7.389	4.971	4.315	4.041	3.810		231	0	0	274	274			656		83	73	16	2.418,0	1.173,0	1.173,0	3,0	0,0	1.170,0	0,0	0,0	0	0	1.170,0	1.245	-
	- Tiểu học Liên Hà	39	37	3	9.071	6.223	5.397	5.052	4.865		187	0	0	345	345			826		104	92	20	2.848,0	1.261,0	1.261,0	26,0	0,0	1.235,0	0,0	0,0	0	0	1.235,0	1.587	-
	- Tiểu học Liên Trung	30	28	3	6.652	4.635	3.983	3.736	3.486		250	0	0	247	247			652		82	73	15	2.017,0	884,0	884,0	4,0	0,0	880,0	0,0	0,0	0	0	880,0	1.133	-
	- Tiểu học Tân Hội A	41	37	3	9.554	6.245	5.395	5.056	4.752		243	61	0	339	339			850		107	95	19	3.309,0	1.759,0	1.759,0	4,0	0,0	1.755,0	0,0	0,0	0	0	1.755,0	1.550	-
	- Tiểu học Tân Hội B	37	33	3	7.970	5.171	4.410	4.141	3.769		250	122	0	269	269			761		96	85	18	2.799,0	1.565,0	1.565,0	3,0	0,0	1.562,0	0,0	0,0	0	0	1.562,0	1.234	-
	- Tiểu học Tân Lập A	43	35	2	10.346	6.479	5.533	5.181	4.900		159	122	0	352	352			946		119	105	21	3.867,0	2.268,0	2.268,0	7,0	0,0	2.261,0	0,0	0,0	0	0	2.261,0	1.599	-
	- Tiểu học Tân Lập B	55	47	3	13.586	8.249	6.826	6.398	6.051		225	122	0	428	428			1.423		179	158	32	5.337,0	3.383,0	3.383,0	0,0	0,0	3.383,0	0,0	0,0	0	0	3.383,0	1.954	-
	- Tiểu học Tô Hiến Thành	38	30	3	9.296	5.670	4.678	4.235	3.881		250	0	104	443	443			992					3.626,0	1.562,0	1.562,0	0,0	0,0	1.562,0	0,0	0,0	0	0	1.562,0	2.064	-
*	<b>Khởi Mầm non</b>	421	400	130	76.885	63.073	56.578	53.590	42.090	-	2.132	706	8.662	2.988	2.988	-	0	6.495	0,0	817	722	147	13.812,0	12,0	12,0	12,0	0,0	0,0	0,0	0	0	13.800	0	0	
	- Mầm non Hồng Hà	56	54	18	10.026	8.231	7.329	6.942	5.476		314	0	1.152	387	387			902		113	100	19	1.795,0	3,0	3,0	3,0	0,0	0,0	0,0	0	0	1.792	-	-	
	- Mầm non Liên Hồng	41	40	14	7.909	6.492	5.928	5.622	4.325		327	61	909	306	306			564		71	63	13	1.417,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0	0	1.417	-	-	
	- Mầm non Liên Hà	51	51	18	9.720	7.955	7.339	6.959	5.373		344	0	1.242	380	380			616		77	69	12	1.765,0	3,0	3,0	3,0	0,0	0,0	0,0	0	0	1.762	-	-	
	- Mầm non Liên Trung	37	37	11	6.848	5.584	5.031	4.759	3.843		218	0	698	272	272			553		70	61	13	1.264,0	272	272	3,0	0,0	272	0,0	0,0	0	0	272	1.261	-
	- Mầm non Tân Hội A	46	42	13	7.977	6.546	5.863	5.553	4.352		141	122	938	310	310			683		86	76	14	1.431,0	3,0	3,0	3,0	0,0	0,0	0,0	0	0	1.428	-	-	

















Phụ biểu 09

**DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026**

*Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Ô Diên)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định CCD Dự án đầu tư được duyệt / Dự toán Chi phí CBĐT				Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025	KHV năm 2025			Kế hoạch vốn năm 2026						Chủ đầu tư	Ghi chú		
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày ban hành	Giá trị		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 cập nhật sau cùng	Kế hoạch vốn năm 2025 cập nhật sau cùng	Ước giải ngân KHV đến ngày 31/01/2026	Số DA			Tổng Kế hoạch vốn năm 2026	Trong đó					
												Tổng số DA	Trong đó			Nguồn mục tiêu	Nguồn XDCBTT			Nguồn thu tiền SD đất	
													DA chuyển tiếp	DA mới							DA CBĐT
1	TỔNG CỘNG	79	-	-	2.412.587			420.363	379.581	378.081	79	37	14	28	824.900	382.100	92.800	350.000			
*	Tiết kiệm 5% dự toán chi đầu tư theo KL của BCH Trung ương Đảng về kinh tế-xã hội năm 2025-2026 và chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phúc tại văn bản số 9886/VPCP-KTTH ngày 13/10/2025 của Văn phòng Chính phủ														22.140		4.640	17.500			
	Vốn chờ phân bổ	-	-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	271.210	-	15.000	256.210			
	Vốn thanh toán lĩnh hoạt quyết toán														25.000		15.000	10.000			
	Vốn thanh toán lĩnh hoạt CBĐT														5.000			5.000			
	Vốn thanh toán lĩnh hoạt nhiệm vụ quy hoạch														6.000			6.000			
	Vốn thanh toán lĩnh hoạt nhiệm vụ lập thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, dự toán														5.000			5.000			
	Hỗ trợ GPMB Dự án Khôi phục dòng chảy tạo cảnh quan môi trường từ sông Hồng qua miếu Hàm Rồng, đền Văn Hiến, khơi thông dòng sông trên địa bàn xã Ô Diên chảy ra sông Nhuệ														30.000			30.000			
	Vốn chờ phân bổ cho các dự án đang chuẩn bị đầu tư														200.210			200.210			
A	DỰ ÁN TRONG DANH MỤC QUYẾT ĐỊNH 3368/QĐ-UBND NGÀY 27/6/2025	55,00	-	-	2.125.125			420.363	379.581	378.081	55,00	37,00	6,00	12,00	454.390	382.100	73.160	76.290			
II	Dự án sử dụng 100% NS Huyện trước sắp xếp	55			2.125.125			420.363	379.581	378.081	55	37	6	12	454.390	382.100	36.000	36.290			
II.1	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	15			491.371			146.607	126.107	124.607	15	10	3	2	142.100	89.850	24.500	27.750			
1	Trường Tiểu học Tân Lập A; hạng mục: Cải tạo, xây mới nhà lớp học 3 tầng 6 phòng học và các phòng chức năng	1	2023-2026	6433, ngày 02/10/2023	33.522			27.500	16.500	16.500	1	1			2.400	2.400				UBND xã Ô Diên	
2	Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Hồng Hà	1	2024-2026	516, ngày 21/01/2025	1.784			1.500	1.500	1.500	1	1			100			100		UBND xã Ô Diên	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định CCBD/dự án đầu tư được duyệt		Dự toán Chi phí CBĐT		Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025	KHV năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2026							Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày ban hành	Giá trị	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 cập nhật sau cùng	Kế hoạch vốn năm 2025 cập nhật sau cùng	Ước giải ngân KHV đến ngày 31/01/2026	Số DA				Tổng Kế hoạch vốn năm 2026	Trong đó				
											Tổng số DA	Trong đó				Nguồn mục tiêu	Nguồn XDCBTT			Nguồn thu tiền SD đất
												DA chuyển tiếp	DA mới	DA CBĐT						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
3	Trường Mầm non Hồng Hà (khu Bồng Lai)	1	2024-2027	7936, ngày 03/12/2024	124.507			45.500	45.000	45.000	1	1			40.000	40.000			UBND xã Ô Diên	Đang thực hiện
4	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Liên Hồng	1	2024-2026	7157, ngày 05/11/2024	4.357			3.500	3.500	3.500	1	1			350	350			UBND xã Ô Diên	Đang thực hiện
5	Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Liên Hà	1	2024-2026	8187, ngày 10/12/2024	6.337			5.100	5.100	5.100	1	1			800	800			UBND xã Ô Diên	
6	Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Liên Trung	1	2024-2026	6445, ngày 09/10/2024; 3095, ngày 13/5/2025	2.697			2.200	2.200	2.200	1	1			150			150	UBND xã Ô Diên	DA có điều chỉnh TMBĐT

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định CCĐT/dự án đầu tư được duyệt		Dự toán Chi phí CBĐT		Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025	KHV năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2026							Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày ban hành	Giá trị		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 cập nhật sau cùng	Kế hoạch vốn năm 2025 cập nhật sau cùng	Ước giải ngân KHV đến ngày 31/01/2026	Số DA			Tổng Kế hoạch vốn năm 2026	Trong đó				
								Tổng số DA				Trong đó		Nguồn mục tiêu		Nguồn XDCBTT	Nguồn thu tiền SD đất			
				DA chuyển tiếp	DA mới	DA CBĐT														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
7	Cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học Tân Hội A	1	2024-2026	8898, ngày 27/12/2024	8.239			6.200	6.200	6.200	1	1			1.800	1.800			UBND xã Ô Diên	Đang thực hiện
8	Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Hạ Mỹ	1	2024-2026	9247, ngày 31/12/2024	6.964			4.600	4.600	4.600	1	1			2.000	2.000			UBND xã Ô Diên	
9	Trường Tiểu học Liên Hồng	1	2021-2028	211, ngày 11/01/2022	97.515			39.000	30.000	30.000	1	1			38.000		18.000	20.000	UBND xã Ô Diên	Đã điều chỉnh thời gian thực hiện QĐ 1628, ngày 25/11/2025
10	Trường Mầm non Liên Trung, hạng mục: Mở rộng, cải tạo và xây mới khối nhà lớp học 3 tầng	1	2023-2027	5568, ngày 16/8/2024	58.155			10.007	10.007	10.007	1	1			35.000	35.000			UBND xã Ô Diên	Đang thực hiện
11	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Liên Hà	1	2024-2026	4321, ngày 19/6/2025	14.993			-	-	-	1		1		6.500			6.500	UBND xã Ô Diên	Đã có QĐ phê duyệt dự án

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định CCBT/dự án đầu tư được duyệt		Dự toán Chi phí CBĐT		Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025	KHV năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2026						Chủ đầu tư	Ghi chú		
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày ban hành	Giá trị	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 cập nhật sau cùng	Kế hoạch vốn năm 2025 cập nhật sau cùng	Ước giải ngân KHV đến ngày 31/01/2026	Số DA			Tổng Kế hoạch vốn năm 2026	Trong đó					
											Tổng số DA	Trong đó			Nguồn mục tiêu	Nguồn XDCBTT			Nguồn thu tiền SD đất	
												DA chuyển tiếp	DA mới							DA CBĐT
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
12	Trường mầm non Liên Hà	1	2024-2027	68/NQ-HĐND ngày 06/6/2023	102.415			-	-		1			1	500			500	UBND xã Ô Diên	
13	Cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học Liên Trung	1	2024-2026	2564, ngày 22/4/2025	9.289			-	-		1		1		7.500	7.500			UBND xã Ô Diên	Đã có QĐ phê duyệt dự án
14	Cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học Tân Hội B	1	2024-2026	Nghi quyết số 106/NQ-HĐND, ngày 09/7/2024	11.271	4531/QĐ-BQLDA ngày 01/8/2024	521,084	-	-		1			1	500			500	UBND xã Ô Diên	Đã phê chủ trương đầu tư, chưa phê dự án; DTCBĐT số 453/QĐ-UBND ngày 01/8/2024
15	Trường mầm non Tân Hội B, huyện Đan Phượng; hạng mục: Khu hoạt động thể chất, nghệ thuật và các hạng mục phụ trợ	1	2025-2027	2269, ngày 11/4/2025	9.326			1.500	1.500		1		1		6.500		6.500		UBND xã Ô Diên	đã phê duyệt dự án
II.2	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch)	4			34.615			22.252	12.700	12.700	4	4	-	-	8.200	8.200	-	-		
II.2.1	Lĩnh vực di tích	3			32.707			21.052	11.500	11.500	3	3	-	-	7.800	7.800	-	-		

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định CCĐT/dự án đầu tư được duyệt		Dự toán Chi phí CBĐT		Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025	KHV năm 2025			Kế hoạch vốn năm 2026						Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày ban hành	Giá trị		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 cập nhật sau cùng	Kế hoạch vốn năm 2025 cập nhật sau cùng	Ước giải ngân KHV đến ngày 31/01/2026	Số DA			Tổng Kế hoạch vốn năm 2026	Trong đó				
												Tổng số DA	Trong đó			Nguồn mục tiêu	Nguồn XDCBTT			Nguồn thu tiền SD đất
													DA chuyển tiếp	DA mới						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
16	Tu bổ, tôn tạo Miếu Điều	1	2024-2026	1902, ngày 04/4/2024	12.101			10.902	2.400	2.400	1	1			700	700			UBND xã Ô Diên	
17	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Đông Lai, xã Liên Hồng	1	2024-2026	6112, ngày 25/9/2024	8.060			6.600	5.600	5.600	1	1			600	600			UBND xã Ô Diên	
18	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Hải Giác, xã Hạ Mỗ (giai đoạn 3)	1	2025-2027	844, ngày 18/2/2025	12.546			3.550	3.500	3.500	1	1			6.500	6.500			UBND xã Ô Diên	Đang thực hiện
II.2.2	Nhà văn hóa thôn	1			1.908			1.200	1.200	1.200	1	1	-	-	400	400	-	-		
19	Cải tạo nhà văn hóa cụm 13 xã Tân Lập	1	2025-2027	8671, ngày 20/12/2024	1.908			1.200	1.200	1.200	1	1			400	400			UBND xã Ô Diên	
III	Lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tin	1			18.386			-	-	-	1	-	-	1	400	-	-	400		
20	Cải tạo, nâng cấp hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn huyện Đan Phượng ứng dụng CNTT-Viễn Thông	1	2025-2027	Nghị quyết số 157/NQ-HĐND, ngày 16/10/2024	18.386	07/QĐ-BQLDA ngày 10/01/2025	805	-	-	-	1			1	400			400	UBND xã Ô Diên	07/QĐ-BQLDA ngày 10/01/2025 phê duyệt dự toán CBĐT
IV	Lĩnh vực thể dục, thể thao	2			47.613			9.770	4.570	4.570	2	1	-	1	900	-	-	900		
21	Sân chơi thể thao thôn Thụy Hội, xã Tân Hội	1	2023-2026	7416, ngày 09/11/2023; 1658, ngày 27/11/2025	10.428			9.700	4.500	4.500	1	1			500			500	UBND xã Ô Diên	Đã điều chỉnh thời gian thực hiện,
22	Khu thể thao xã Tân Lập (giai đoạn 1)	1	2025-2027	Nghị quyết số 157/NQ-HĐND, ngày 16/10/2024	37.185			70	70	70	1			1	400			400	UBND xã Ô Diên	Đã phê chủ trương đầu tư, chưa phê dự án
V	Lĩnh vực môi trường	3			241.747			80.800	79.500	79.500	3	3	-	-	52.000	52.000	-	-		
23	Cải tạo ao môi trường nhà văn hóa cụm 8 xã Tân lập	1	2025-2027	7677, ngày 26/11/2024	3.171			2.600	2.600	2.600	1	1			200	200			UBND xã Ô Diên	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định CCBDT/dự án đầu tư được duyệt		Dự toán Chi phí CBĐT		Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025	KHV năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2026							Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày ban hành	Giá trị	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 cập nhật sau cùng	Kế hoạch vốn năm 2025 cập nhật sau cùng	Ước giải ngân KHV đến ngày 31/01/2026	Số DA			Tổng Kế hoạch vốn năm 2026	Trong đó					
											Tổng số DA	Trong đó			Nguồn mục tiêu	Nguồn XDCBTT	Nguồn thu tiền SD đất			
												DA chuyển tiếp	DA mới							DA CBĐT
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
24	Vườn hoa, hồ điều hòa các xã Liên Hồng - Liên Hà - Liên Trung	1	2024-2027	803, ngày 17/02/2025	235.436			77.200	75.900	75.900	1	1			50.000	50.000			UBND xã Ô Diên	Đang thực hiện
25	Nâng cấp, cải tạo giếng đình Đan Hội, xã Tân Lập	1	2025-2027	2579, ngày 22/4/2025	3.139			1.000	1.000	1.000	1	1			1.800	1.800			UBND xã Ô Diên	Đã có QĐ phê duyệt dự án
VI	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	21			770.110															
VI.1	Lĩnh vực giao thông	5			29.223			19.114	17.074	17.074	21	12	1	8	70.610	63.370	-	7.240		
26	Đường trục giữa xóm bãi thôn Đông Lai (đoạn từ nhà ông Mến đến giáp thôn Bông Lai) xã Liên Hồng	1	2025-2027	6863, ngày 24/10/2024	3.032			7.800	7.800	7.800	5	5	-	-	15.680	15.000	-	680		
27	Đường Bá Dương Nội (từ chợ Bá đến đường liên thôn Bá Nội-Tiên Tân)	1	2025-2026	6710, ngày 26/10/2022; 4045, ngày 9/6/2025	6.474			2.000	2.000	2.000	1	1			3.500	3.500			UBND xã Ô Diên	Đang thực hiện
28	Đường từ nhà ông Kiệt đến đê Hữu Hồng	1	2022-2026	6978, ngày 04/11/2022	1.385			400	400	400	1	1			680			680	UBND xã Ô Diên	
29	Cải tạo, nâng cấp đường từ trường Trung học cơ sở di Chùa Hạ xã Liên Trung (Tên cũ: Đường từ trường Trung học Cơ sở di trường Mắm non xã Liên Trung)	1	2025-2027	2254, ngày 10/4/2025	9.320			2.000	2.000	2.000	1	1			5.300	5.300			UBND xã Ô Diên	Đang thực hiện
30	Đường từ ngã ba Cống Đồn đi khu thể thao xã Tân Lập	1	2025-2027	2513, ngày 21/4/2025	9.013			2.000	2.000	2.000	1	1			4.900	4.900			UBND xã Ô Diên	Đang thực hiện
VI.2	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước	7			708.460			3.084	1.044	1.044	7	-	1	6	44.450	39.050	-	5.400		
31	Xây dựng hạ tầng tạo quỹ đất đầu giá QSD đất để thực hiện dự án khu dân cư nông thôn X12 phía Bắc Trạm Bơm Tiên Tân, xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng	1	2024-2026	39/NQ-HĐND, ngày 15/4/2024	49.915			444	44	44	1			1	800			800	UBND xã Ô Diên	Đã phê duyệt dự toán CBĐT tại QĐ 2919/QĐ-UBND ngày 24/5/2024

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định CCĐT/dự án đầu tư được duyệt		Dự toán Chi phí CBĐT		Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025	KHV năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026							Chủ đầu tư	Ghi chú		
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày ban hành	Giá trị	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 cập nhật sau cùng	Kế hoạch vốn năm 2025 cập nhật sau cùng	Ước giải ngân KHV đến ngày 31/01/2026	Số DA			Tổng Kế hoạch vốn năm 2026	Trong đó					
											Tổng số DA	Trong đó			Nguồn mục tiêu	Nguồn XDCBTT			Nguồn thu tiền SD đất	
												DA chuyển tiếp	DA mới							DA CBĐT
12	13	14	15	16	17	18	19	20	21											
32	Xây dựng Hạ tầng tạo quỹ đất đầu giá quyền sử dụng đất khu X5 xã Liên Hà, huyện Đan Phượng	1	2023-2026	NQ 119/NQ-HĐND ngày 24/10/2019; NQ 68, ngày 06/6/2023; NQ 39, ngày 15/4/2024	286.256			640	-		1			1	1.500			1.500	UBND xã Ô Diên	Đã phê duyệt dự toán CBĐT tại QĐ9823/QĐ-UBND 31/12/2020
33	Xây dựng hạ tầng tạo quỹ đất đầu giá QSD đất 6 B-2 phân khu đô thị S1, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng	1	2025-2028	157/NQ-HĐND, ngày 16/10/2024; NQ203 ngày 17/12/2024; QĐĐC 2128, ngày 05/4/2025	113.768			500	500	500	1			1	700			700	UBND xã Ô Diên	Đã phê duyệt dự toán CBĐT tại QĐ71/QĐ-PTQĐ 15/11/2024
34	Xây dựng hạ tầng tạo quỹ đất đầu giá QSD đất để thực hiện dự án khu dân cư nông thôn cụm 1, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng	1	2025-2027	157/NQ-HĐND, ngày 16/10/2024; NQ203 ngày 17/12/2024	14.959			500	500	500	1			1	900			900	UBND xã Ô Diên	Đã phê duyệt dự toán CBĐT tại QĐ72/QĐ-PTQĐ 15/11/2024
35	Xây dựng Hạ tầng tạo quỹ đất đầu giá quyền sử dụng đất khu X6 xã Tân Hội, huyện Đan Phượng	1	2023-2026	NQ 119/NQ-HĐND ngày 24/10/2019; NQ 68, ngày 06/6/2023; NQ 39, ngày 15/4/2024	123.453			500	-		1			1	800			800	UBND xã Ô Diên	Đã phê duyệt dự toán CBĐT tại QĐ9825/QĐ-UBND 31/12/2020
36	Xây dựng hạ tầng tạo quỹ đất đầu giá QSD đất để thực hiện dự án khu dân cư nông thôn cụm 5, 6 (ven kênh Đan Hoài), xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng	1	2024-2026	234/NQ-HĐND, ngày 20/12/2023; 203/NQ-HĐND ngày 17/12/2024; ĐCCTĐT 2132/QĐ-UBND ngày 05/4/2025	25.817	2420, ngày 07/5/2024	730	-	-		1			1	700			700	UBND xã Ô Diên	Đã phê duyệt dự toán CBĐT tại QĐ2420/QĐ-UBND 07/5/2024

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định CCBDT/dự án đầu tư được duyệt		Dự toán Chi phí CBĐT		Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025	KHV năm 2025			Kế hoạch vốn năm 2026						Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày ban hành	Giá trị		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 cập nhật sau cùng	Kế hoạch vốn năm 2025 cập nhật sau cùng	Ước giải ngân KHV đến ngày 31/01/2026	Số DA			Tổng Kế hoạch vốn năm 2026	Trong đó				
												Tổng số DA	Trong đó			Nguồn mục tiêu	Nguồn XDCBTT			Nguồn thu tiền SD đất
													DA chuyển tiếp	DA mới						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
37	Xây dựng hạ tầng tạo quỹ đất đầu giá QSD đất để thực hiện dự án khu dân cư nông thôn số 1 xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng	1	2024-2027	2259, ngày 11/4/2025	94.292			500	-		1		1		39.050	39.050			UBND xã Ô Diên	Đang thực hiện
<b>VI.3</b>	<b>Lĩnh vực quy hoạch</b>	<b>5</b>			<b>15.912</b>			<b>6.330</b>	<b>6.330</b>	<b>6.330</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.520</b>	<b>7.520</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
38	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thôn Trúng Đích, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng	1	2025-2026	1030/QĐ-UBND, ngày 25/02/2025	1.991			790	790	790	1	1			960	960			UBND xã Ô Diên	
39	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư xã Liên Hồng, Liên Hà, Liên Trung, huyện Đan Phượng	1	2025-2026	1031/QĐ-UBND, ngày 25/02/2025	5.489			2.190	2.190	2.190	1	1			2.500	2.500			UBND xã Ô Diên	
40	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư xã Tân Hội, huyện Đan Phượng	1	2025-2026	1032/QĐ-UBND, ngày 25/02/2025	2.974			1.180	1.180	1.180	1	1			1.432	1.432			UBND xã Ô Diên	
41	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Bắc Tân Lập, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng	1	2025-2026	1033/QĐ-UBND, ngày 25/02/2025	1.914			760	760	760	1	1			920	920			UBND xã Ô Diên	
42	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thôn Ngọc Kiều, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng	1	2025-2026	1034/QĐ-UBND, ngày 25/02/2025	3.545			1.410	1.410	1.410	1	1			1.708	1.708			UBND xã Ô Diên	
<b>VI.4</b>	<b>Lĩnh vực công trình công cộng tại các đô thị</b>	<b>4</b>			<b>16.514</b>			<b>1.900</b>	<b>1.900</b>	<b>1.900</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>-</b>	<b>2</b>	<b>2.960</b>	<b>1.800</b>	<b>-</b>	<b>1.160</b>		
43	Vườn hoa, sân chơi cụm 12 xã Tân Lập	1	2025-2027	8619, ngày 20/12/2024	1.439			1.100	1.100	1.100	1	1			160			160	UBND xã Ô Diên	
44	Vườn hoa ven làng cụm 3 xã Hồng Hà	1	2025-2027	NQ 106, ngày 09/7/2024	8.907			-	-	-	1			1	500			500	UBND xã Ô Diên	Đã phê duyệt chủ trương, chưa phê dự án
45	Sân chơi, vườn hoa khu tái định cư đường Hoàng Quốc Việt kéo dài xã Tân Lập	1	2021-2025	NQ 177/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	2.821			-	-	-	1			1	500			500	UBND xã Ô Diên	Đã phê duyệt chủ trương, chưa phê dự án

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định CCĐT/dự án đầu tư được duyệt		Dự toán Chi phí CBĐT		Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025	KHV năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2026							Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số QB, ngày ban hành	Giá trị		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 cập nhật sau cùng	Kế hoạch vốn năm 2025 cập nhật sau cùng	Ước giải ngân KHV đến ngày 31/01/2026	Số DA			Tổng Kế hoạch vốn năm 2026	Trong đó				
												Tổng số DA	Trong đó			Nguồn mục tiêu	Nguồn XDCBTT			Nguồn thu tiền SD đất
													DA chuyển tiếp	DA mới						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
46	Sân chơi, vườn hoa cửa nhà văn hóa cụm 5, xã Tân Lập	1	2025-2027	1204, ngày 03/3/2025	3.348			800	800	800	1	1			1.800	1.800			UBND xã Ô Diên	Đang thực hiện
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực xã hội (lao động thương binh và xã hội)</b>	<b>3</b>			<b>14.758</b>			<b>4.000</b>	<b>4.000</b>	<b>4.000</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>-</b>	<b>7.580</b>	<b>880</b>	<b>6.700</b>	<b>-</b>		
47	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ Liên Tri	1	2025-2027	7824, ngày 29/11/2024	5.475			4.000	4.000	4.000	1	1			880	880			UBND xã Ô Diên	
48	Cải tạo, chỉnh trang đảm bảo vệ sinh môi trường nghĩa trang nhân dân thôn Bá Dương Nội - Bá Thị xã Hồng Hà	1	2024-2027	2250, ngày 25/4/2024; 1675, ngày 27/11/2025	7.171			-	-	-	1		1		5.000		5.000		UBND xã Ô Diên	
49	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang Nội Đỗ xã Tân Lập	1	2025-2027	2258, ngày 11/4/2025	2.112			-	-	-	1		1		1.700		1.700		UBND xã Ô Diên	
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực khác</b>	<b>6</b>			<b>506.525</b>			<b>137.820</b>	<b>135.630</b>	<b>135.630</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>172.600</b>	<b>167.800</b>	<b>4.800</b>	<b>-</b>		
50	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư giãn dân xã Tân Lập (để thực hiện dự án Đường nối với đường Hoàng Quốc Việt kéo dài, đoạn qua địa phận xã Tân Lập)	1	2024-2026	1390, ngày 28/6/2008; 6031, ngày 05/12/2011; 2923, ngày 24/5/2024	13.151			6.420	5.420	5.420	1	1			4.800		4.800		UBND xã Ô Diên	
51	Xây dựng hạ tầng tạo quỹ đất đầu giá QSD đất ở B-3, Phân khu đô thị S1, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng	1	2024-2027	159, ngày 13/01/2025	155.522			46.600	46.000	46.000	1	1			40.000	40.000			UBND xã Ô Diên	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định CCĐT/dự án đầu tư được duyệt		Dự toán Chi phí CBĐT		Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025	KHV năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2026							Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày ban hành	Giá trị		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 cập nhật sau cùng	Kế hoạch vốn năm 2025 cập nhật sau cùng	Ước giải ngân KHV đến ngày 31/01/2026	Số DA			Tổng Kế hoạch vốn năm 2026	Trong đó				
								Tổng số DA				Trong đó		Nguồn mục tiêu		Nguồn XDCBTT	Nguồn thu tiền SD đất			
				DA chuyển tiếp	DA mới	DA CBĐT														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
52	Xây dựng Hạ tầng tạo quỹ đất đầu giá quyền sử dụng đất ở A8 xã Tân Hội, huyện Đan Phượng	1	2023-2026	7624, ngày 22/11/2024	274.919			60.390	59.800	59.800	1	1			100.000	100.000			UBND xã Ô Diên	
53	Vườn hoa ven chân Đê Quai Liên Trung (đoạn từ đường vào Trường Mầm non đến giáp khu Bãi Cát)	1	2024-2026	6100, ngày 24/9/2024	43.606			8.410	8.410	8.410	1	1			25.000	25.000			UBND xã Ô Diên	
54	Cải tạo hệ thống điện và chiếu sáng cho các trường tiểu học	1	2024-2026	7152, ngày 05/11/2024	12.124			10.000	10.000	10.000	1	1			1.400	1.400			UBND xã Ô Diên	
55	Cải tạo hệ thống điện và chiếu sáng cho các trường trung học cơ sở	1	2024-2026	7150, ngày 05/11/2024	7.203			6.000	6.000	6.000	1	1			1.400	1.400			UBND xã Ô Diên	
<b>B</b>	<b>DỰ ÁN NGOÀI DANH MỤC THEO QUYẾT ĐỊNH 3368/QĐ-UBND NGÀY 27/6/2025</b>	<b>24,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>287.463</b>	<b>-</b>	<b>5.792,9</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>24,0</b>	<b>-</b>	<b>8,0</b>	<b>16,0</b>	<b>77.160</b>	<b>-</b>	<b>37.160</b>	<b>40.000</b>		
<b>I</b>	<b>Dự án mới</b>	<b>8,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>99.143</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8,0</b>	<b>-</b>	<b>8,0</b>	<b>-</b>	<b>72.660</b>	<b>-</b>	<b>37.160</b>	<b>35.500</b>		
<b>I.1</b>	<b>Lĩnh vực giao thông</b>	<b>3,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>33.259</b>			<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3,0</b>	<b>-</b>	<b>3,0</b>	<b>-</b>	<b>25.000</b>	<b>-</b>	<b>21.500</b>	<b>3.500</b>		
56	Cải tạo, nâng cấp đường từ đến Tô Hiến Thành đi thôn Trúng Dịch đường Nhuệ Giang xã Hạ Mỹ	1	2025-2027	2467, ngày 18/4/2025	16.709						1		1		13.000	10.000	3.000		UBND xã Ô Diên	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định CCBD/dự án đầu tư được duyệt		Dự toán Chi phí CBĐT		Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025	KHV năm 2025			Kế hoạch vốn năm 2026						Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày ban hành	Giá trị	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 cập nhật sau cùng	Kế hoạch vốn năm 2025 cập nhật sau cùng	Ước giải ngân KHV đến ngày 31/01/2026	Số DA			Tổng Kế hoạch vốn năm 2026	Trong đó					
											Tổng số DA	Trong đó			Nguồn mục tiêu	Nguồn XDCBTT	Nguồn thu tiền SD đất			
												DA chuyển tiếp	DA mới							DA CBĐT
12	13	14	15	16	17	18	19	20	21											
57	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông ngõ xóm 1, 16, 23, 26, 30, 37, 40, 41, 45, 46, 58, 59, 64, 78 cụm 5 thôn Phan Long, xã Tân Hội	1	2025-2027	4311, ngày 19/6/2025	8.950						1		1		7.000		6.500	500	UBND xã Ô Diên	
58	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông ngõ xóm 73, 84, 89, 103, 109, 115, 132, 140 cụm 6 thôn Phan Long, xã Tân Hội	1	2025-2027	4309, ngày 19/6/2025	7.600						1		1		5.000		5.000		UBND xã Ô Diên	
<b>1.2</b>	<b>Lĩnh vực Môi trường</b>	<b>1,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.361</b>						<b>1,0</b>	<b>-</b>	<b>1,0</b>	<b>-</b>	<b>5.500</b>	<b>-</b>	<b>5.500</b>	<b>-</b>		
59	Cải tạo, sửa chữa hồ trước cửa UBND xã Liên Hà	1	2025-2027	QĐ số 2074, ngày 02/4/2025; 2268, ngày 11/4/2025	6.361						1		1		5.500		5.500		UBND xã Ô Diên	
<b>1.3</b>	<b>Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Lĩnh vực di tích</b>	<b>3,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>56.512</b>						<b>3,0</b>	<b>-</b>	<b>3,0</b>	<b>-</b>	<b>39.800</b>	<b>-</b>	<b>7.800</b>	<b>32.000</b>		
60	Tu bổ tôn tạo Đình Thượng Thôn, xã Liên Hà	1	2025-2027	QĐ số 2111, ngày 04/4/2025; 4154, ngày 11/6/2025	12.098						1		1		7.800		7.800		UBND xã Ô Diên	
61	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Thượng Trì, xã Liên Hồng	1	2025-2027	1714, ngày 01/12/2025	21.361						1		1		17.000		17.000		UBND xã Ô Diên	
62	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Đan Hội, xã Tân Lập	1	2025-2027	1684, ngày 27/11/2025	23.053						1		1		15.000		15.000		UBND xã Ô Diên	
<b>1.4</b>	<b>Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực công trình công cộng tại các đô thị</b>	<b>1</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.011</b>						<b>1</b>	<b>-</b>	<b>1</b>	<b>-</b>	<b>2.360</b>	<b>-</b>	<b>2.360</b>	<b>-</b>		
63	Hệ thống chiếu sáng đường 20m di đường Vành đai 4, xã Hồng Hà	1	2025-2027	QĐ số 2102, ngày 4/4/2025; 2515, ngày 21/4/2025	3.011						1		1		2.360		2.360		UBND xã Ô Diên	
<b>1.5</b>	<b>Lĩnh vực xã hội (lao động thương binh và xã hội)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>						<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
<b>II</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>	<b>16</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>188.320</b>	<b>-</b>	<b>5.793</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16</b>	<b>4.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.500</b>		

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định CCĐT/dự án đầu tư được duyệt		Dự toán Chi phí CBĐT		Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 cập nhật sau cùng	KHV năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2026							Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số QB, ngày ban hành	Giá trị		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 cập nhật sau cùng	Kế hoạch vốn năm 2025 cập nhật sau cùng	Ước giải ngân KHV đến ngày 31/01/2026	Số DA			Tổng Kế hoạch vốn năm 2026	Trong đó				
												Tổng số DA	Trong đó			Nguồn mục tiêu	Nguồn XDCBTT			Nguồn thu tiền SD đất
													DA chuyển tiếp	DA mới						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
64	Cải tạo, chỉnh trang đường làng ngõ xóm, lắp đặt hệ thống chiếu sáng cụm 1, xã Hạ Mỹ	1	2025-2027	3654, ngày 30/5/2025	13.455	669, ngày 23/9/2025	427,603				1			1	300			300	UBND xã Ô Diên	
65	Cải tạo các ngõ xóm khu Tiên Tân (giáp Cảng)	1	2025-2027	3586, ngày 28/5/2025	13.423	799, ngày 02/10/2025	420,663				1			1	300			300	UBND xã Ô Diên	
66	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường ngõ xóm cụm 6, 7, 8 (miền bãi) xã Hồng Hà	1	2025-2027	3587, ngày 28/5/2025	11.310	662, ngày 23/9/2025	350,378				1			1	300			300	UBND xã Ô Diên	
67	Cải tạo, nâng cấp đường Xóm Trai, đường Tân Lập, đường Phú Quý thôn Thượng Tri, xã Liên Hồng	1	2025-2027	3578, ngày 28/5/2025	12.454	660, ngày 23/9/2025	365,343				1			1	300			300	UBND xã Ô Diên	
68	Cải tạo, nâng cấp đường Phú Đình thôn Thượng Tri, xã Liên Hồng	1	2025-2027	3574, ngày 28/5/2025	8.480	653, ngày 23/9/2025	274,529				1			1	200			200	UBND xã Ô Diên	
69	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường thôn Hữu Cước, đường nhà Văn hóa, đường Đoàn Kết, ngõ 46 đường Hữu Cước, ngõ 57 đường Hữu Cước, xã Liên Hồng	1	2025-2027	3572, ngày 28/5/2025	13.568	663, ngày 23/9/2025	419,737				1			1	300			300	UBND xã Ô Diên	
70	Nâng cấp, cải tạo đường trục ngõ xóm thôn Tố, xã Liên Hồng	1	2025-2027	3570, ngày 28/5/2025	12.128	718, ngày 24/9/2025	373,386				1			1	300			300	UBND xã Ô Diên	
71	Nâng cấp, cải tạo đường trục ngõ xóm thôn Đông Lai, xã Liên Hồng	1	2025-2027	3573, ngày 28/5/2025	19.999	664, ngày 23/9/2025	585,717				1			1	500			500	UBND xã Ô Diên	
72	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông các ngõ 2, 10, 28, 34, 100, 106, 114, 179, 195, 201 cụm 9, 10 thôn Thúy Hội, xã Tân Hội	1	2025-2027	3214, ngày 17/5/2025	14.500	900, ngày 10/10/2025	393,752				1			1	300			300	UBND xã Ô Diên	
73	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông khu giãn dân cụm 4, các ngõ 9, 15, 23 thôn Vĩnh Kỳ, xã Tân Hội	1	2025-2027	3192, ngày 17/5/2025	9.159	896, ngày 10/10/2025	260,673				1			1	200			200	UBND xã Ô Diên	
74	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông xóm ngõ 14, 24, 91, 77, 30, 46, 54, 72 đường Vĩnh Kỳ, xã Tân Hội	1	2025-2027	3216, ngày 17/5/2025	11.077	898, ngày 10/10/2025	317,602				1			1	250			250	UBND xã Ô Diên	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định CCĐT/dự án đầu tư được duyệt		Dự toán Chi phí CBĐT		Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025	KHV năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2026							Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày ban hành	Giá trị		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 cập nhật sau cùng	Kế hoạch vốn năm 2025 cập nhật sau cùng	Ước giải ngân KHV đến ngày 31/01/2026	Số DA			Tổng Kế hoạch vốn năm 2026	Trong đó				
												Tổng số DA	Trong đó			Nguồn mục tiêu	Nguồn XD CBTT			Nguồn thu tiền SD đất
													DA chuyển tiếp	DA mới						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
75	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông khu giãn dân Công Chung, xã Tân Hội	1	2025-2027	QĐ số 3191, ngày 17/5/2025	6.847	798, ngày 02/10/2025	213,737				1			1	200			200	UBND xã Ô Diên	
76	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông cụm 1, xã Tân Lập	1	2025-2027	3477, ngày 23/5/2025	13.100	730, ngày 25/9/2025	413,471				1			1	300			300	UBND xã Ô Diên	
77	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè khu đất dịch vụ Tân Tây Đô xã Tân Lập	1	2025-2027	3588, ngày 28/5/2025	10.206	894, ngày 10/10/2025	303,658				1			1	250			250	UBND xã Ô Diên	
78	Hệ thống chiếu sáng đường gom cơ đê từ đê Tiên Tân xã Hạ Mỹ đến giáp xã Liên Hồng	1	2025-2027	3581, ngày 28/5/2025	12.722	901, ngày 10/10/2025	444,773				1			1	300			300	UBND xã Ô Diên	
79	Sân chơi, vườn hoa khu ao Cửa Điểm, cụm 4, xã Tân Lập	1	2025-2027	QĐ số 2611, ngày 24/4/2025	5.892	895, ngày 10/10/2025	227,904				1			1	200			200	UBND xã Ô Diên	